NĂM 1977

Ngày 08-01:

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG HUYỆN THỌ XUÂN ĐẠI HỘI MỪNG CÔNG

Ngày 08-01-1977, Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban Chỉ huy Quân sự huyện Thọ Xuân đã long trọng tổ chức Đại hội mừng công Quyết thắng. Đại hội được tổ chức tại Hội trường huyện, gồm 300 đại biểu đại diện cho các ban, phòng, ngành, đoàn thể; các tổ chức lực lượng vũ trang từ cơ sở đến huyện; các Anh hùng, các chiến sĩ đạt danh hiệu Quyết thắng, Chiến sĩ thi đua.

Đại hội mừng công Quyết thắng đã nêu bật những thành tích, kết quả và kinh nghiệm hoạt động của lực lượng vũ trang huyện trên các mặt xây dựng, huấn luyện, sản xuất và sẵn sàng chiến đấu.

Do tích cực xây dựng lực lượng, tổng số dân quân tự vệ toàn huyện từ 10,5% (năm 1975) tăng lên 11,8% (năm 1976) so với dân số, trong đó 54% là đảng viên, 72% là quân nhân phục viên. Huyện đã tích cực xây dựng và củng cố các đại đội 202 thành lực lượng nòng cốt xung kích trong mọi nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu. Toàn huyện có 25C 202 với 2.481 người, trong 4 tháng tại công trường thuỷ lợi Quảng Châu đã đào đắp 220.000m^3 đất, năng suất lao động bình quân đạt 120% - 150% hàng tháng. Các C 202 đã cùng nhân dân hăng hái lao động trên các công trường đê Xuân Sơn, Cầu Chày, kênh Tiền Giang, Cầu Nha, kênh C1 Xuân Bái, đào đắp 191.500m^3 đất đá. Năm 1977, huyện đã huy động 35C dân quân tự vệ gồm 6.000 người lao động trên công trường sông Lý,

huy động 38C xung kích gồm 7.746 người và 4.450 dân quân làm nhiệm vụ chống bão, lụt. Huyện đã huy động 2.863 dân quân và thanh niên phát hoang được 305ha rừng rậm, san ủi mặt bằng chuyển dân xây dựng vùng kinh tế mới.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang, Huyện uỷ đã cử cán bộ, đảng viên nắm giữ các cương vị chủ chốt; 100% chính trị viên là Bí thư Đảng uỷ, 100% Xã đội trưởng là đảng viên (84% Đảng uỷ viên là Xã đội trưởng), 32% là quân nhân phục viên gồm các đồng chí từng là Bí thư Chi bộ là Chính trị viên.

Trong năm 1976, lực lượng dân quân tự vệ toàn huyện đã phối hợp với Công an phát hiện giải quyết nhiều vụ trộm cắp, gây rối, phao tin đồn nhảm.

Công tác tuyển quân năm 1976, đã hoàn thành vượt chỉ tiêu 1,7% gồm 24/38 xã hoàn thành vượt chỉ tiêu, 11 xã hoàn thành nhiệm vụ. Tuy vậy, vẫn còn 4 xã không hoàn thành là xã Nam Giang, Xuân Thiên, Xuân Yên, Xuân Sơn.

Về tổ chức huấn luyện: 100% các C 202 tham gia kiểm tra các môn bắn súng, ném lựu đạn, chính trị đạt loại khá. Có một số đơn vị đạt loại giỏi môn bắn súng như: Xuân Thành, Quảng Phúc, Xí nghiệp Nông cụ, v.v...

Hệ thống nhà trường đã chú trọng xây dựng nếp sống quân sự, năm học mới 1976 - 1977 đã mở lớp huấn luyện quân sự trong 10 ngày cho 1.354 giáo viên, 40.573 học sinh.

Đảng bộ, nhân dân toàn huyện đã tổ chức giúp đỡ các gia đình chính sách về vật chất và tinh thần; sửa chữa và làm mới hàng trăm ngôi nhà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý kinh tế, quản lý hợp tác xã cho 178 quân nhân phục viên nhằm tạo công ăn việc làm phù hợp.

Đại hội đã biểu dương 20 xã đạt danh hiệu "Đơn vị Quyết thắng" (đạt 52%), 3 trung đội và 65 đồng chí đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 57 đồng chí được tặng Bằng khen, 150 đồng chí được tặng Giấy khen.

Ngày 15-2:

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH RA NGHỊ QUYẾT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRUNG DU, MIỀN NÚI

Trung du, miền núi có vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - văn hoá - quốc phòng - an ninh của tỉnh. Vì vậy, ngày 15-2-1977 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ra Nghị quyết số 2 về phát triển kinh tế trung du, miền núi. Tỉnh uỷ nhận định:

Thế mạnh của trung du, miền núi là phát triển nghề rừng, cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc và cây màu lương thực; khó khăn là: Địa hình hiểm trở, cơ sở vật chất, giao thông, thủy lợi còn ít, mật độ dân số thấp, phân bố không đều, tập quán sản xuất còn mang tính tự cấp, tự túc. Trong những thập kỷ qua, trên đà tiến bộ chung của nền kinh tế trong tỉnh, kinh tế trung du, miền núi đã có những biến đổi quan trọng, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa hình thành và được củng cố, quy mô hợp tác xã được mở rộng dần; cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường một bước; lực lượng lao động tăng nhanh, phương hướng kinh tế đã được xác định cụ thể hơn ở từng ngành, từng vùng và đang được triển khai thực hiện; sự nghiệp văn hoá, xã hội phát triển nhanh. Tuy nhiên so với yêu cầu và tiềm năng phát triển kinh tế thì kinh tế trung du, miền núi còn trì trệ, tài nguyên rừng và màu mỡ của đất đai bị giảm sút, đời sống của quần chúng khó khăn.

Nhằm phát triển kinh tế trung du, miền núi trong điều kiện mới, Tỉnh uỷ xác định phương hướng, nhiệm vụ:

Cần nhanh chóng làm biến đổi về cơ cấu và quy mô sản xuất nhằm phát huy 4 thế mạnh của trung du, miền núi, làm biến đổi về cơ cấu lao động, tăng nhanh số lượng và chất lượng lao động, làm biến đổi về cơ sở vật chất kỹ thuật nhất là thuỷ lợi, giao thông, điện lực để phục vụ cho sản xuất và đời sống.

Đối với sản xuất nông nghiệp phải phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích. Đối với lâm nghiệp phải coi trọng tất cả các khâu: Trồng, tu bổ, bảo vệ và khai thác.

Đối với sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cần phát triển mạnh để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, phục vụ đời sống nhân dân. Đồng thời tăng cường lưu thông phân phối hàng hoá, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá và đời sống. Để thực hiện phương hướng nói trên, Tỉnh uỷ đề ra một số giải pháp:

1- Tổ chức lại sản xuất, củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cải tiến một bước công tác tổ chức quản lý kinh tế, trong đó phải hoàn thành giao đất, giao rừng và xác định phương hướng sản xuất cho các đơn vị sản xuất; quy hoạch lại khu dân cư, đất đai canh tác của nông trường, hợp tác xã và nhân dân.

2- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và xây dựng kết cấu kinh tế hạ tầng cân đối thích hợp với trung du, miền núi. Mỗi huyện cần có xưởng nông cụ, trạm máy, nông lâm, cơ sở chế biến, trạm cung ứng vật tư, trạm thú y, cơ sở thu mua.

3- Tăng cường lực lượng lao động để nhanh chóng mở rộng sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nông, lâm nghiệp. Để thực hiện chủ trương này, cần đưa lao động ở các huyện miền xuôi đông dân ít đất lên trung du, miền núi tổ chức sản xuất theo quy hoạch đã được duyệt.

4- Cải tiến một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, chú trọng vùng xa xôi hẻo lánh, các vùng kinh tế mới. Các ngành thuộc khối lưu thông phân phối, giáo dục, y tế, văn hoá phục vụ nhân dân trung du, miền núi tốt hơn nữa.

5- Tăng cường cấp huyện cả về tổ chức, cán bộ, phương tiện để đủ sức chỉ đạo, quản lý kinh tế nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Chú trọng củng cố, kiện toàn cấp xã, bồi dưỡng, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã.

6- Các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình cần có kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ. Mỗi ban, ngành cần phân công một đồng chí lãnh đạo và một số cán bộ có trình độ, am hiểu miền núi, trung du theo dõi giúp thủ trưởng nắm tình hình kịp thời và cụ thể.

Các ban của Tỉnh uỷ phải nghiên cứu giúp Thường vụ tăng cường công tác xây dựng Đảng nhanh chóng nâng cao trình độ năng lực, ý chí phấn đấu của cán bộ, đảng viên ở trung du, miền núi.

Ngày 01 - 3:

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐỀ RA PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN THEO ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẢNG

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII về xây dựng cấp huyện, tháng 4-1977 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã đề ra phương án xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn cấp huyện. Nội dung phương án gồm các vấn đề chủ yếu sau đây:

Về chính trị: Xây dựng quyền làm chủ của nhân dân lao động về mọi mặt. Đặc biệt là ý thức cảnh giác cách mạng, coi trọng việc giáo dục truyền thống cho lớp trẻ.

Về kinh tế: Xây dựng nền kinh tế nông - công - ngư - diêm theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Về lực lượng vũ trang: Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương bao gồm dân quân tự vệ, dự bị động viên, cần chú trọng cả số lượng và chất lượng. Gắn tổ chức sản xuất với sự lãnh đạo của Đảng và đáp ứng phương án tác chiến. Sẵn sàng bảo vệ địa phương, bảo vệ trật tự trị an xã hội. Làm tốt công tác phòng thủ đất nước và chính sách hậu phương quân đội. Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Về thực hiện chức năng: Cơ quan Quân sự phải thực hiện đầy đủ 4 chức năng mà Quân uỷ Trung ương đã quy định, đặc biệt chú trọng vào 2 chức năng sau đây:

- Làm tham mưu cho cấp uỷ lãnh đạo tốt công tác quốc phòng ở huyện.

- Làm tốt chức năng tổ chức chỉ huy.

Cần đề cao và coi trọng công tác Đảng trong cơ quan. Thành lập Ban Cán sự Đảng và xây dựng Đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Phương án trên đã được Tỉnh uỷ đồng ý và được triển khai kịp thời. Chỉ trong một thời gian ngắn ở khắp các đơn vị huyện, thị trong tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng quốc phòng toàn dân dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng.

Tháng 3:

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH SÔNG LÝ CÔNG TRÌNH CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI LẦN THỨ IV CỦA ĐẢNG

Tháng 3-1977, Tỉnh uỷ quyết định khởi công xây dựng công trình tiêu thuỷ sông Lý - Công trình chào mừng Đại hội Đảng lần thứ IV. Đây là công trình nắn dòng và mở rộng dòng chảy của sông Lý bắt đầu từ Cầu Cảnh qua Quốc lộ 1A về cống đầu mối Ngọc Giáp (Quảng Thạch) rồi nhập vào sông Yên phục vụ tiêu úng cho đồng ruộng của huyện Quảng Xương và Đông Sơn. Vì sông Lý cũ vừa dài vừa cong, cửa ra lại xa biển nên khó tiêu nước.

Kênh chính dài 20km - đây là kênh tiêu nước chảy theo hướng cũ. Để phục vụ kênh chính là hệ thống kênh tiêu cấp I, cấp II. Thi công hệ thống kênh tiêu được tiến hành làm 2 đợt - đợt đầu huy động 8 vạn dân công của các huyện trong tỉnh đào đắp hàng triệu m^3 đất đá trong mùa hanh heo giá buốt.

Cống đầu mối (tựa như cống đầu mối Quảng Châu) gồm 4 cửa hình cung, mỗi cửa rộng 8 mét. Ngưỡng cửa được đặt ở cao trình (-2,5m), được thiết kế so với mực nước lớn nhất ở thượng lưu là (+ 1,5 m). Tổ chức thi công được chia làm hai đợt. Thi công phần đóng cọc bằng bê

tông do Ty Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm. Gia công và lắp đặt 4 cửa cống do Nhà máy Cơ khí Sông Chu chịu trách nhiệm, các phần việc khác do Công ty Xây dựng Thuỷ lợi đảm nhiệm, lực lượng lao động thủ công do huyện Quảng Xương cung cấp.

Cán bộ, dân công đang khẩn trương thi đua hoàn thành nhiệm vụ thì ngày 01-4-1977 đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Duẩn và các Bộ, ngành Trung ương về thăm. Như được tiếp thêm sức mạnh, công trường lao động hăng say, sôi nổi hơn. Cuối tháng 8-1977, công trình sông Lý hoàn thành đã giải quyết úng lụt cho 13.800ha ruộng đất các huyện Quảng Xương và Đông Sơn. Với lượng nước tiêu qua các cửa cống đạt mức lớn nhất là 83,4m^3/s. Từ ngày đưa sông Lý về hạ lưu 20km (từ Hoà Trường về Ngọc Giáp) đã tách lượng nước sông Hoàng về tiêu tại âu Mai Chữ, tách nước sông Lê và sông Mơ - Thọ Hạc về âu Đông Hưng không cho chảy vào sông Lý. Nhờ đó, các huyện Quảng Xương và Đông Sơn không còn tình trạng úng lụt.

XÂY DỰNG CẦU SÔNG LÝ - CẦU BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐẦU TIÊN TRÊN QUỐC LỘ 1A CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG

Sau kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngành Giao thông - Vận tải đã kết hợp với ngành Thuỷ lợi xây dựng hệ thống cầu cống trên các công trình thủy nông. Xây dựng cầu Sông Lý trên Quốc lộ 1A là một trong các hạng mục của công trình thuỷ lợi Sông Lý. Cùng với cầu Sông Lý, tỉnh còn chỉ đạo xây dựng thêm 5 cầu khác đáp ứng yêu cầu hoàn thành công trình thủy lợi Sông Lý chào mừng Đại hội Đảng.

Cầu Sông Lý nằm ở Quốc lộ 1A tại Km 244+204, tải trọng H18, dài 63,25, khổ cầu 8m + 2 x 1m, kết cấu bằng bê tông cốt thép được xây dựng vào năm 1977 do Đoàn Khảo sát thiết kế Thanh Hoá quy hoạch, Công ty Cầu Thanh Hoá thi công. Để xây dựng cầu, cần phải hoàn thành một khối lượng công việc khá lớn, năng lực thi công đòi

hỏi cao... Nhưng với quyết tâm phấn đấu, ngành Giao thông - Vận tải đã đẩy lùi khó khăn bằng sự lao động sáng tạo của các công ty, xí nghiệp trong ngành. Chỉ trong thời gian 88 ngày đã đào đắp hàng vạn khối đất đá, sản xuất và vận chuyển hàng vạn khối nguyên liệu, luồng, gỗ, đá, cát, sỏi, chế tạo được 3 dầm bê tông cốt thép chữ T (mỗi dầm nặng tới 15 tấn).

Cầu Sông Lý đã cùng hệ thống thuỷ nông sông Lý đi vào lịch sử chinh phục tự nhiên của đồng bào các dân tộc Thanh Hoá.

Từ ngày 01 đến ngày 04 - 4:

ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN VỀ THĂM THANH HÓA

Từ ngày 01 đến ngày 4-4-1977, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã về thăm và làm việc tại Thanh Hóa, thăm xã Định Công, xã Quý Lộc (Yên Định), Đoàn bộ đội Lam Sơn, Nhà máy cơ khí sông Chu, Công trình thuỷ lợi sông Lý.

Làm việc với lãnh đạo tỉnh và các ngành, các đoàn thể trong tỉnh. Đồng chí chỉ ra mô hình, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ, đề cập đến các vấn đề về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đồng chí đã khen ngợi Đảng bộ, nhân dân Thanh Hoá có nhiều cố gắng trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; khen ngợi mô hình tiên tiến Định Công, khen ngợi công tác thủy lợi - cả tỉnh là một công trường đại thủ công xây dựng các công trình thủy lợi quy mô lớn. Đồng chí đề nghị Đảng bộ, nhân dân Thanh Hoá cần phải tiếp tục đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tạo ra động lực phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày 24-4:

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÓA IX

Đảm bảo cho bầu cử đúng Luật và thành công, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo các ngành, các cấp chuẩn bị đầy đủ điều kiện tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân khoá IX tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25-4-1977. Tổng số đại biểu trúng cử là 120 vị. Trong đó: Nữ 40 vị, dân tộc ít người 17 vị, tôn giáo 6 vị. Tại kỳ họp thứ nhất ngày 11-6-1977, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu ra Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 15 vị. Trong đó có 9 Ủy viên Ủy ban.

Bầu ông Trịnh Ngọc Bích làm Chủ tịch và các ông: Hà Trọng Hòa, Hà Văn Ban, Lê Văn Lục, Nguyễn Nghiễm là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VIII

Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa VIII (từ ngày 19 đến 28-5-1975) đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng:

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhanh chóng trình độ văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật, năng lực tổ chức và quản lý của cán bộ, đảng viên. Củng cố tổ chức cơ sở Đảng. Làm tốt công tác phát triển đảng viên, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết 225 về công tác cán bộ. Tăng cường xây dựng cấp huyện. Cải tiến cách làm việc của các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn.

Thực hiện nhiệm vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, các cấp uỷ Đảng đã tiến hành xây dựng Đảng bộ trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Kết quả như sau:

Về công tác chính trị tư tưởng: Đã thực thực hiện tốt các đợt học tập chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tổ chức cho 81% đảng viên tham gia học tập chương trình lý luận cơ sở. Công tác nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ đã góp phần thiết thực phát huy truyền thống cách mạng trong cán bộ, đảng viên.

Do làm tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị nên nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò tiên phong, ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm nâng lên; quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng được tăng cường, khắc phục và đẩy lùi một phần biểu hiện tiêu cực.

Thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên trong 2 năm 1975 - 1976 đã đưa ra khỏi Đảng 3.995 người thoái hoá, biến chất, chiếm 4,4% tổng số đảng viên. (Nếu tính từ khi thực hiện cuộc vận động đã đưa ra khỏi Đảng 14.000 người, chiếm 15% tổng số đảng viên. Trong 2 năm kết nạp 1.000 đảng viên, đưa tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ lên 91.000.

Tổ chức cơ sở Đảng được sắp xếp lại, đáp ứng yêu cầu tổ chức sản xuất, kinh doanh. Đội ngũ cốt cán cơ sở được tăng cường các đồng chí trẻ, khoẻ, có trình độ văn hoá. Trong Đảng bộ, độ tuổi dưới 30 tăng 3%, trình độ văn hoá cấp II từ 17% (1974) tăng lên 36% (1976). Một số Đảng bộ cơ sở yếu kém chuyển biến từng mặt; Đảng bộ phấn đấu tốt đạt 61%.

Thực hiện Nghị quyết 225 của Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh đã thay thế 468 cán bộ chủ chốt các cấp. Riêng cấp tỉnh có 34% cán bộ lãnh đạo, quản lý có trình độ văn hoá cấp III, 27% có trình độ đại học. Cấp huyện, đội ngũ cán bộ có trình độ văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật quản lý được tăng cường, trình độ văn hoá cấp II đạt 31%, đại học đạt 15%, trung cấp tăng 2,5 lần.

Tuy đạt được kết quả nói trên, nhưng sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Tư tưởng bảo thủ, ngại khó, lười suy nghĩ, ngại học tập, kém nhạy cảm với cái hay, cái mới, độc đoán, quan liêu, tuỳ tiện trong

việc chấp hành chính sách, pháp luật của Đảng vẫn còn phổ biến. Tổ chức cơ sở Đảng còn 40% yếu kém. Bộ máy cấp tỉnh nhiều đầu mối không hợp lý, thiếu tập trung thống nhất, nhanh nhạy. Công tác cán bộ chưa được giải quyết một cách cơ bản, toàn diện. Nhận thức về vị trí, chức năng cấp huyện chưa đầy đủ. Chưa tập trung xây dựng huyện đủ sức chỉ đạo cơ sở phát triển kinh tế và tổ chức đời sống.

Phát huy thành quả, khắc phục hạn chế khuyết điểm, các cấp ủy Đảng cần phải thực thi những giải pháp sắc bén xây dựng Đảng bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Ngày 5 đến ngày 11-5:

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA LẦN THỨ IX *(Vòng II)*

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX vòng I từ ngày 11 đến ngày 19-11-1976 có nhiệm vụ thảo luận dự thảo văn kiện Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ IV, bầu Đoàn Đại biểu dự Đại hội Đảng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX vòng hai từ ngày 5 đến ngày 11-5-1977 tại Hội trường 25B của tỉnh có nhiệm vụ: Tập trung thảo luận Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VIII và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Đại hội đã đánh giá: Trong 2 năm 1975 - 1976, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã đạt được những thành tích tiến bộ. "Nền kinh tế được tổ chức lại một bước theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đang tạo ra những biến đổi mới trong cơ cấu kinh tế, mở rộng và đẩy mạnh sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật". "Sự nghiệp giáo dục, văn hoá, thông tin, báo chí, thể dục, thể thao tiếp tục phát triển, chất lượng tiến bộ. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đạt kết quả bước

đầu". Công tác quân sự địa phương đã hoàn thành tốt các đợt huy động nghĩa vụ quân sự. Chăm lo củng cố lực lượng vũ trang, giải quyết những vấn đề sau chiến tranh, chăm sóc thương binh và gia đình liệt sĩ. Các đoàn thể quần chúng có tiến bộ trong giáo dục tư tưởng, chính trị và phát huy vai trò nòng cốt trong phong trào sản xuất, xây dựng con người mới, nếp sống mới. Bộ máy chính quyền bước đầu phát huy hiệu lực tổ chức quản lý kinh tế, xã hội. Công tác xây dựng Đảng đã quan tâm về chất lượng giáo dục lý luận và sinh hoạt chính trị, củng cố tổ chức cơ sở đảng nên đã tạo được sự quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Tuy vậy, phong trào sản xuất và tổ chức đời sống trong tỉnh còn chuyển biến chậm. Các mục tiêu chủ yếu mà Đại hội tỉnh lần thứ VIII đề ra chưa đạt, thế mạnh 4 vùng kinh tế chưa được phát huy, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển chậm, lương thực, thực phẩm giảm sút (chỉ đạt 76% mục tiêu Đại hội VIII). Sự nghiệp văn hoá, xã hội phát triển chưa đều, chất lượng nâng lên chậm. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch chưa thực hiện thường xuyên, liên tục và toàn diện. Công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa thành phong trào quần chúng sâu rộng, trật tự xã hội ở nhiều nơi, nhiều mặt còn kém, năng lực điều hành bao quát toàn bộ hoạt động xã hội, nhất là tổ chức quản lý kinh tế của các cấp chính quyền còn yếu. Quyền làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát huy và còn bị vi phạm, tổ chức và hoạt động của các tổ chức quần chúng ở cơ sở còn yếu. Sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng, của cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Đại hội đã xác định phương hướng, nhiệm vụ 2 năm (1977 - 1978) như sau: Quán triệt sâu sắc, chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo đường lối nhiệm vụ của Đại hội Đảng toàn quốc, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công và ý thức tự lực, tự cường, khắc phục mọi khó khăn, tiếp tục tổ chức lại nền kinh tế từng vùng, từng ngành, từ cơ sở đến huyện, tỉnh, đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cải

tiến quản lý, thực hành tiết kiệm, nhằm tổ chức, sử dụng và phát huy mọi khả năng đất đai, tài nguyên, thiết bị và lao động của cả 4 vùng, mở rộng và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nghề rừng, nghề biển, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lấy nông nghiệp làm trọng tâm, hoàn thành mục tiêu kế hoạch hai năm 1977 - 1978, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, cải thiện một bước đời sống nhân dân trong tỉnh. Phát triển sự nghiệp văn hoá - xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với tỉnh Hủa Phăn. Cụ thể là:

Tiếp tục tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nhằm mở rộng sản xuất, hoàn thành các mục tiêu kinh tế 2 năm 1977-1978.

Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản, phát huy hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật của các ngành sản xuất và đời sống, xúc tiến công tác điều tra, khảo sát thiết kế, quy hoạch.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, phát động phong trào cách mạng của quần chúng tiến lên cao trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên 3 mặt sản xuất, xây dựng, tổ chức đời sống.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng cho yêu cầu mới, chú trọng công tác tư tưởng và tổ chức, công tác cán bộ, tập trung xây dựng cấp huyện, củng cố cơ sở yếu kém.

Đại hội xác định một số mục tiêu kinh tế - xã hội cần phải phấn đấu đạt được vào năm 1978: Lương thực đạt 75 vạn tấn, lợn đạt 65 vạn con, cá biển 2 vạn tấn, xuất khẩu đạt 50 triệu đồng, đưa 3 vạn lao động lên miền núi phát triển kinh tế mới, phấn đấu 70% số xã phổ cập cấp I, 35% số xã phổ cập cấp II.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 39 đồng chí, bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Bầu đồng chí Hoàng Văn Hiếu làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Lê Thế Sơn, Phó Bí thư trực Đảng; đồng chí Trịnh Ngọc Bích, Phó Bí thư phụ trách công tác chính quyền.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA IX

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
1	2	3	4
1	Hoàng Văn Hiếu	Bí thư Tỉnh uỷ	
2	Lê Thế Sơn	Phó Bí thư trực	
3	Trịnh Ngọc Bích	PBT, Chủ tịch UBND tỉnh	
4	Hà Văn Ban	Thường vụ Tỉnh uỷ	
5	Trịnh Ngọc Chữ	Thường vụ Tỉnh uỷ	
6	Lê Hữu Hinh	Thường vụ Tỉnh uỷ	
7	Hà Trọng Hoà	Thường vụ Tỉnh uỷ	
8	Vũ Văn Kính	Thường vụ Tỉnh uỷ	
9	Lê Văn Lục	Thường vụ Tỉnh uỷ	
10	Nguyễn Nghiễm	Thường vụ Tỉnh uỷ	
11	Lê Thế Phiệt	Thường vụ Tỉnh uỷ	
12	Phùng Sỹ Các	Tỉnh uỷ viên	
13	Hoàng Minh Côn	Tỉnh uỷ viên	
14	Lê Văn Cứ	Tỉnh uỷ viên	
15	Lê Ngọc Đồng	Tỉnh uỷ viên	
16	Trịnh Hiệt	Tỉnh uỷ viên	
17	Lương Văn Hợi	Tỉnh uỷ viên	
18	Lê Hữu Khải	Tỉnh uỷ viên	
19	Trịnh Thuân	Tỉnh uỷ viên	
20	Lê Bạch Lan	Tỉnh uỷ viên	
21	Phạm Len	Tỉnh uỷ viên	
22	Phạm Văn Nhung	Tỉnh uỷ viên	
23	Trương Ngọc Phan	Tỉnh uỷ viên	

1	2	3	4
24	Võ Quyết	Tỉnh uỷ viên	
25	Lê Xuân Sang	Tỉnh uỷ viên	
26	Hoàng Tạ	Tỉnh uỷ viên	
27	Lê Văn Tu	Tỉnh uỷ viên	
28	Nguyễn Văn Thát	Tỉnh uỷ viên	
29	Lê Duy Thảo	Tỉnh uỷ viên	
30	Trần Thế Phụng	Tỉnh uỷ viên	
31	Bùi Thị Buôn	Tỉnh uỷ viên	
32	Phạm Thị Cáp	Tỉnh uỷ viên	
33	Nguyễn Thị Miện	Tỉnh uỷ viên	
34	Nguyễn Đình Tụ	Tỉnh uỷ viên	
35	Trần Thị Mai	Tỉnh uỷ viên	
36	Hà Thị Loan	Ủy viên dự khuyết	
37	Lương Chí Ên	Ủy viên dự khuyết	
38	Vũ Thế Giao	Ủy viên dự khuyết	
39	Hoàng Cao Trãi	Ủy viên dự khuyết	

HUYỆN ỦY TĨNH GIA CHỈ ĐẠO NGƯ DÂN TĂNG CƯỜNG PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐÁNH BẮT HẢI SẢN

Thực hiện Nghị quyết 08 của Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức lại sản xuất, Huyện ủy Tĩnh Gia đã kết hợp nguồn đầu tư của Nhà nước và sự đóng góp của các hợp tác xã mua sắm phương tiện cơ giới, ngư lưới cụ, mở rộng đánh bắt hải sản, đồng thời chia tách hợp tác xã quy mô lớn thành đội thuyền, tổ thuyền cho phù hợp với trình độ quản lý và điều hành sản xuất.

Năm 1977, vốn đầu tư gấp đôi năm 1976 (bằng 1.262.767 đồng), lực lượng lao động tăng lên 6.452 người (trong đó 4.000 lao động có

nghề). Mua sắm thêm 44 thuyền máy (gồm 10 thuyền máy 32CV, 28 thuyền máy 12CV, 6 thuyền máy 23CV), 12 máy phát sóng, đóng mới 100 thuyền, 62 vàng vó v.v... Sản lượng khai thác hải sản từ 3.138 tấn (năm 1977) tăng lên 5.930 tấn (năm 1978), bán cho Nhà nước 2.400 tấn hải sản, đời sống ngư dân được cải thiện một bước.

Ngày 29-6:

THÀNH LẬP THỊ TRẤN VÀ ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN BỈM SƠN

Do nhu cầu phát triển của khu công nghiệp Bỉm Sơn, ngày 16-8-1975 Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã có Công văn số 588XD/TH xin Thủ tướng Chính phủ cho thành lập thị trấn Bỉm Sơn trực thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 29-6-1977, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 140-BT về việc thành lập thị trấn Bỉm Sơn. Thị trấn Bỉm Sơn phía Bắc giáp tỉnh Ninh Bình, phía Nam giáp thôn Cổ Đam và Nghĩa Môn (Hà Lan) và các xóm Cẩm Tân, Phú Dương (Hà Dương), phía Đông giáp các xã Hà Vinh, Hà Lan (Hà Trung), phía Tây giáp Quốc lộ 1A.

Ngày 5-11-1977, lễ tuyên bố thành lập thị trấn Bỉm Sơn và ra mắt Ủy ban thị trấn Lâm thời được tổ chức tại Hội trường Đoàn Địa chất 306 (Bỉm Sơn),

Ngày 7-11-1977, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 1025 QĐ/TU về việc thành lập Đảng bộ thị trấn Bỉm Sơn.

Ngày 8-11-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết định số 1026 QĐ/TU chuyển 11 cơ sở chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện uỷ Trung Sơn về trực thuộc Thị uỷ Bỉm Sơn. Các Đảng bộ trường Đo đạc và Quản lý ruộng đất, Công ty Xi măng, các Công ty Lắp máy 45, trường Đào tạo công nhân sản xuất xi măng; các Chi bộ Ban Kiến thiết Bỉm Sơn,

Xí nghiệp Gạch Bỉm Sơn, Cửa hàng Thực phẩm, Bách hoá, Chất đốt, Công an Thị trấn, Khu chuyên gia. Thành lập hai Chi bộ Dân Đảng, chính quyền trực thuộc Thị uỷ thị trấn Bỉm Sơn.

Ngày 05-7:

SÁP NHẬP MỘT SỐ HUYỆN VÀ ĐẢNG BỘ HUYỆN

Ngày 05-7-1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 177/CP về điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện thuộc tỉnh Thanh Hoá.

1. Hợp nhất huyện Hà Trung và huyện Nga Sơn thành huyện Trung Sơn.

2. Hợp nhất huyện Vĩnh Lộc và huyện Thạch Thành thành huyện Vĩnh Thạch.

3. Hợp nhất huyện Ngọc Lặc và huyện Lang Chánh thành huyện Lương Ngọc.

4. Hợp nhất 15 xã của huyện Thiệu Hoá (Thiệu Ngọc, Thiệu Vũ, Thiệu Thành, Thiệu Tiến, Thành Công, Thiệu Long, Thiệu Phú, Thiệu Phúc, Thiệu Giang, Thiệu Quang, Thiệu Duy, Thiệu Hưng, Thiệu Nguyên, Thiệu Thịnh, Thiệu Hợp) vào huyện Yên Định thành huyện Thiệu Yên.

5. Hợp nhất 16 xã của huyện Thiệu Hoá (Thiệu Toán, Thiệu Viên, Thiệu Vân, Thiệu Đô, Thiệu Trung, Thiệu Châu, Thiệu Giao, Thiệu Vận, Thiệu Tâm, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Thiệu Chính, Thiệu Hoà, Thiệu Tân, Thiệu Minh, Thiệu Lý) vào huyện Đông Sơn lấy tên là huyện Đông Thiệu.

Cùng với thành lập huyện, Tỉnh uỷ ra quyết định thành lập các Đảng bộ huyện mới để tổ chức lãnh đạo công cuộc cách mạng ở mỗi huyện.

Tháng 7:

ĐẢNG BỘ HUYỆN NHƯ XUÂN LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tại Đại hội Đảng bộ huyện Như Xuân lần thứ XI (tháng 7-1976) đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ 1976 - 1977 là:

"Tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh và thiên tai, đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp".

Ngay sau Đại hội, hệ thống chính trị cấp huyện và cơ sở được kiện toàn. Nhân dân các dân tộc trong huyện hưởng ứng sôi nổi phong trào thi đua.

Hội Phụ nữ vận động chị em tích cực sản xuất, tiết kiệm, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ. Đoàn Thanh niên là lực lượng xung kích tiến quân vào mặt trận khai hoang phục hoá và tham gia sửa chữa tuyến đường 15 A, tuyến Hải Vân - Như Xuân, Xuân Phúc - Yên Thọ. Mặt trận Tổ quốc huyện vận động nhân dân giải phóng mặt bằng chuẩn bị cho việc khởi công xây dựng hồ Sông Mực. Các cụ phụ lão đi đầu trong phong trào "Trồng cây gây rừng".

Bằng ý thức tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công, toàn huyện đã khai hoang, phục hoá được hàng ngàn ha ruộng đất. Năm 1977 diện tích canh tác là 11.930ha (tăng 4.805ha so với năm 1975), sản lượng lương thực quy thóc đạt 21 ngàn tấn, tăng hơn năm 1975 là 7 ngàn tấn.

Chăn nuôi gia súc tăng trưởng nhanh, đảm bảo sức kéo và cung cấp thêm một phần thực phẩm, phục vụ đời sống nhân dân trên địa bàn, đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Điển hình là các xã Xuân Du, Mậu Lâm, Phú Nhuận, Yên Thọ, Xuân Phúc, Yên Thái. Việc nuôi cá nước ngọt cũng được chú trọng. Năm 1977 có 216ha mặt nước ao hồ dùng nuôi cá.

Phong trào thuỷ lợi tiếp tục được đẩy mạnh. Chỉ tính riêng năm 1977 nhân dân trong huyện đã đào đắp được 35.750m^3 đất đá, với 56.730 ngày công lao động xây mương, đắp bai đập.

Nhiệm vụ khôi phục lại những khu vực rừng bị tàn phá trong chiến tranh là việc làm cần thiết. Huyện chủ trương thành lập "Đội lâm nghiệp trồng rừng" và tu bổ trên 300ha rừng luồng, rừng tạp. Đảng bộ chỉ đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh giảm tốc độ khai thác lâm sản bừa bãi.

Các hợp tác xã nông nghiệp tiến hành tổ chức lại sản xuất, toàn huyện đã có 10 hợp tác xã quy mô liên thôn và 2 hợp tác xã quy mô toàn xã, đó là hợp tác xã Xuân Du và hợp tác xã Hải Vân.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất lương thực, các hợp tác xã mạnh dạn tổ chức sản xuất thêm gạch, ngói, vôi phục vụ sản xuất và xây dựng. Các nghề rèn, mộc được duy trì và phát huy.

Huyện tập trung lực lượng tu bổ các tuyến đường, cầu cống bị tàn phá trong chiến tranh và khai thông một số đoạn đường mới. Đó là các tuyến đường Hải Vân - Xuân Du, Xuân Phúc - Yên Thọ, Hoá Quỳ - Thanh Lâm, Thanh Phong - Xuân Bình, Thanh Phong - Thanh Quân. Tu sửa khai thông 141km đường bị sụt lở sau các trận mưa bão (trong đó có 57km đường 10). Làm mới 4km đường liên xã, 2,2km đường tránh dốc Trầu, sửa chữa và làm 8 cầu lớn.

Đối với công tác văn hoá - giáo dục - y tế, Huyện ủy chủ trương tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp trường học, xây dựng bệnh viện huyện và 21 trạm xá tuyến xã. Tăng cường cán bộ y tế về cơ sở, tích cực phòng dịch, đẩy lùi bệnh sốt rét. Phát động phong trào thi đua xây dựng nếp sống mới trong các thôn, bản, loại bỏ dần hủ tục lạc hậu.

HUYỆN ỦY BÁ THƯỚC CHỈ ĐẠO NHÂN DÂN TRỒNG GAI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Phát huy ưu thế về đất đai, tập quán kinh nghiệm lâu đời trong việc trồng cây gai của đồng bào các dân tộc. Huyện uỷ Bá Thước tổ chức chỉ đạo nhân dân Bá Thước trồng cây gai trên diện rộng.

Huyện uỷ và Ủy ban nhân dân đề ra biện pháp tổ chức lại sản xuất, thực hiện chế độ chọn giống, kỹ thuật gieo trồng, chế độ chăm sóc, khuyến khích các hợp tác xã đẩy mạnh trồng gai.

Trong hai năm (1976 - 1977) đã trồng được 246ha cây gai, bán gai sợi cho Nhà nước 37.761kg. Các hợp tác xã: Tân Lập, Cổ Lũng, Ban Công, Thành Lâm, Thành Sơn... năng suất cây gai đạt khá.

HUYỆN ỦY NÔNG CỐNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN MỤC TIÊU 5,4 TẤN THÓC; 2,5 CON LỢN TRÊN MỘT HA GIEO TRỒNG

Sau một thời gian củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, Huyện uỷ phát động phong trào thi đua động viên toàn dân tập trung sức lực, trí tuệ vào phát triển nông nghiệp nhằm đạt mục tiêu 5,4 tấn thóc; 2,5 con lợn trên 1ha gieo trồng.

Huyện uỷ giao cho Phòng Nông nghiệp trực tiếp chỉ đạo các hợp tác xã thực hiện "3 khoán", "3 quản" phấn đấu đạt mục tiêu "5,4 tấn thóc; 2,5 con lợn, một lao động trên một ha gieo trồng". Với khẩu hiệu: "Sớm rạng đông, trưa đứng bóng, chiều chập choạng, tối theo trăng", "Tấc đất, tấc vàng", "Không sống chung với hoang hoá năn lác", toàn huyện tiến quân vào chiến dịch khai hoang, phục hoá, san ghềnh, lấp trũng, di chuyển mồ mả, di chuyển dân cư rải rác trên các cánh đồng vào nơi quy định. Do vậy đã khai thác được hàng ngàn ha đất hoang đưa vào sản xuất. Tiêu biểu cho phong trào là các hợp tác xã Tế Lợi, Minh Nghĩa, Minh Khôi.

Trong phong trào thi đua phát triển sản xuất, các hợp tác xã còn mở "Hội thi trâu, bò khoẻ", "Hội thi cày", "Hội thi cấy" góp phần động viên khích lệ tinh thần xã viên hăng say sản xuất.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, các hợp tác xã bố trí cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, xây dựng các vùng trồng màu, vùng trồng cây công nghiệp, đẩy mạnh sản xuất vụ Thu và vụ Đông. Năm 1977, toàn huyện đã cấy 1.000ha lúa Hè thu và Mùa cho năng suất khá. Các hợp tác xã Tế Lợi, Tế Nông, Tế Tân, Tế Khang, Trung Chính đạt năng suất cao. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 46.130 tấn. Các hợp tác xã vùng trũng như Tượng Văn, Trường Trung, Trường Minh, Minh Nghĩa...

đã hình thành vụ Đông sau hai vụ lúa, trong đó cây khoai tây chiếm 20% tổng diện tích vụ Đông. Việc mở rộng vụ Đông đã tạo ra nguồn thực phẩm cho người, nguồn thức ăn cho trâu, bò và lợn, vì vậy thời kỳ này chăn nuôi phát triển mạnh ở cả ba khu vực: Quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên, bao gồm cả chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà, vịt. Kết quả phát triển chăn nuôi đã tăng nguồn thực phẩm tạo ra một số mặt hàng xuất khẩu. Tạo ra sự phân công lao động mới trong nông nghiệp.

NGÀNH BƯU ĐIỆN THANH HÓA PHỤC VỤ TỈNH ỦY, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Bước vào năm 1977, yêu cầu thông tin đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các lĩnh vực công tác, các vùng miền trong tỉnh ngày càng lớn. Ngành Bưu điện đã triển khai nhiều mặt hoạt động để phục Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Đầu tư phát triển nhanh mạng viễn thông. Củng cố, cải tạo, nâng cấp mạng nội địa, ưu tiên đầu tư nâng cấp các tuyến dây, trạm máy ở các huyện miền núi, ở vùng biên giới Việt - Lào; đầu tư thiết bị thông tin cho các huyện trọng điểm như Thọ Xuân, Đông Sơn... lắp đặt thêm 100 máy phục vụ nông nghiệp.

Đảm bảo yêu cầu thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh an toàn và kịp thời hơn, Ngành đã đầu tư lắp đặt riêng cho Tỉnh uỷ và Ủy ban nhân dân tỉnh một số tổng đài điện thoại tự động MSN 7/10; đồng thời lắp đặt 15 tổng đài tự động TW55 từ 20 đến 100 số ở các bưu cục và 268 máy lẻ, trang bị thêm 17 máy VTĐ nâng số máy VTĐ toàn tỉnh lên 70 máy.

HUYỆN ỦY ĐÔNG SƠN PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO "ĐÔNG HÒA HÓA ĐÔNG SƠN" VỀ THÂM CANH TĂNG NĂNG SUẤT

Đông Hoà là một xã nhiều năm giữ vững lá cờ đầu của huyện Đông Sơn về phong trào thâm canh tăng năng suất lúa. Vì vậy, năm 1973

Đông Hoà được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích củng cố phong trào hợp tác xã, khắc phục khó khăn về thiên tai, phát triển sản xuất. Năm 1974 được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì. Năm 1977, Đông Hoà được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích phát triển kinh tế.

Năm 1977, Huyện uỷ Đông Sơn đã phát động phong trào "Đông Hoà hoá Đông Sơn" về thâm canh tăng năng suất. Các hợp tác xã trong toàn huyện học tập và làm theo Đông Hoà. Phong trào thi đua xây dựng các cánh đồng 5 tấn theo mô hình Đông Hoà đạt kết quả tốt. Cùng với thâm canh tăng năng suất, Huyện uỷ đã phát động phong trào làm thuỷ lợi. Toàn huyện đã đào đắp hàng vạn m^3 đất, đá hồ đập, kênh mương, đắp bờ vùng, bờ thửa chống hạn, tiêu úng. Riêng Đoàn Thanh niên Cộng sản đã huy động 4.000 đoàn viên, thanh niên hưởng ứng phong trào thủy lợi. Cùng với thuỷ lợi, Huyện uỷ đã phát động phong trào cải tạo đồng ruộng bằng cày ải, phơi nắng với khẩu hiệu "Một lần cày ải bằng một lần rải phân". Một vụ sản xuất mỗi hộ nông dân làm ra 1 tấn phân, ôn ủ 400kg bèo hoa dâu. Trong toàn huyện đã ủ được 37.030 tấn phân và nuôi được 3.800 tấn bèo dâu. Cùng với làm phân bón, Huyện uỷ đã phát động phong trào khai hoang, phục hoá. Toàn huyện huy động 323.300 công khai phá 251ha đất hoang hoá tại các xã Đông Thịnh, Đông Văn, Đông Nam, Đông Yên.

Phong trào "Đông Hoà hoá Đông Sơn" về thâm canh tăng năng suất có 7 hợp tác xã trong huyện Đông Sơn đạt danh hiệu "Cánh đồng 5 tấn" vào năm 1978. Đó là các HTX Đông Tân, Đông Khê, Đông Minh, Đông Tiến, Đông Lĩnh, Đông Nam. Đặc biệt là xã Đông Văn, một xã gặp nhiều khó khăn, ít được thiên nhiên ưu đãi cũng đạt năng suất 5 tấn. Năng suất lúa bình quân trong huyện từ 46,8 tạ/ha (trước năm 1977), tăng lên 63,4 tạ vào năm 1983.

Ngày 8-9:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY RA NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HỢP TÁC XÃ HỌC TẬP VÀ LÀM THEO ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN THI ĐUA VỚI HỢP TÁC XÃ ĐỊNH CÔNG

Ngày 08-9-1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết về việc bồi dưỡng cán bộ HTX học tập và làm theo điển hình tiên tiến thi đua với HTX Định Công.

Nghị quyết chỉ rõ: Mục đích của đợt tổ chức học tập nhằm nâng cao trình độ tổ chức quản lý HTX, thúc đẩy phát triển sản xuất theo gương điển hình tiên tiến, thực hiện thi đua "Định Công hoá các HTX nông nghiệp trong tỉnh".

Quá trình học tập chia thành 2 đợt: *Đợt I:* Tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ ở một số HTX có tiềm năng kinh tế trong tỉnh để nhanh chóng đuổi kịp và vượt HTX Định Công. *Đợt II:* Do huyện lựa chọn điển hình tiên tiến và đưa cán bộ các HTX còn lại đi học tập nhằm thực hiện thắng lợi từng mặt, từng việc, từng vụ.

Nội dung học tập: Các vấn đề cơ bản trong Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 2 (Khoá IV) về phát triển nông nghiệp. Các vấn đề về tổ chức lại sản xuất và phân công lao động, ngành nghề, các biện pháp kỹ thuật chủ yếu về trồng trọt, chăn nuôi. Các vấn đề về quản lý, tài vụ. Các vấn đề về xây dựng cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng.

Phương châm, phương pháp học tập: Kết hợp học với hành, nghiên cứu thực tế các điển hình tiên tiến với chủ trương nghị quyết của Đảng.

Thành phần tham gia học tập: Mỗi HTX cử khoảng 15 đồng chí, bao gồm: Bí thư Đảng uỷ xã, Chủ nhiệm HTX, Phó Chủ nhiệm, một số đội trưởng. Các đồng chí đi học phải trẻ, khoẻ, có trình độ, có phương hướng công tác lâu dài.

Thời gian học tập là 3 tháng (đợt I), từ trung tuần tháng 10 đến đầu tháng 12-1978. Địa điểm đặt tại 4 HTX tiên tiến là: Định Công, Đông Hoà, Xuân Thành, Điền Lư. Tỉnh uỷ sẽ huy động cán bộ có năng lực tham gia hướng dẫn đợt học tập. Những nơi có cán bộ đến học,

Huyện uỷ, Đảng uỷ xã cần quan tâm đón tiếp và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đợt học tập thành công.

Ngày 22-10:

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH RA NGHỊ QUYẾT VỀ THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Từ ngày 11 đến ngày 22-10-1977, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 2 (khoá IV) về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và ra Nghị quyết "Tập trung cao độ mọi lực lượng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp" trong tỉnh.

Nghị quyết nhận định tình hình nông nghiệp của tỉnh ta trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu: Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp sớm được xác lập, từng bước được củng cố và nâng cao, làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi, đời sống văn hoá, giáo dục, y tế; cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp đã và đang được xây dựng, một số thành tựu khoa học, kỹ thuật ứng dụng trong nông nghiệp bước đầu đã góp phần nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi; việc tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong tỉnh đã tạo được những biến đổi mới trong cơ cấu kinh tế, nhiều nhân tố mới xuất hiện, phong trào lao động sản xuất ngày càng phát triển với quy mô rộng hơn và hiệu quả ngày càng tăng, cấp huyện được củng cố và tăng cường và cơ sở vật chất phục vụ cho nông nghiệp.

Nghị quyết chỉ ra những khuyết điểm: Sản xuất nông nghiệp phát triển chậm, thiếu toàn diện, chưa vững chắc, còn nhiều mặt kém, có mặt giảm sút nghiêm trọng như sản xuất lương thực giảm, chăn nuôi phát triển chậm, nghề rừng không được mở rộng... Các yếu tố cơ bản của sản xuất nông nghiệp chưa được sử dụng tốt...

Nguyên nhân của những khuyết điểm trên là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức Đảng và chính quyền các cấp chưa toàn diện và đồng bộ... Nghị quyết xác định phương hướng, mục tiêu:

"Tập trung cao độ mọi lực lượng, ra sức sử dụng và phát huy tiềm lực đất đai, rừng, biển và lực lượng lao động, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, nhằm đạt 3 mục tiêu: đảm bảo được nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh, thức ăn cho chăn nuôi, làm nghĩa vụ cho Nhà nước và có một phần dự trữ; tăng mức cung cấp nông, lâm, hải sản cho Trung ương và nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp trong tỉnh; tăng nguồn hàng xuất khẩu về nông, lâm, hải sản để đổi lấy thiết bị, vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 1980 là:

Lương thực 90 vạn tấn trở lên, 80 vạn con lợn, 4 vạn tấn cá, 40.000ha cây công nghiệp, khai hoang phục hoá 5 vạn ha, rừng trồng mới 7 vạn ha.

Để đạt được các mục tiêu trên cần: Tiếp tục tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trên địa bàn huyện, từng hợp tác xã, từng ngành phân bố lại lao động lên trung du, miền núi; đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp vừa thâm canh, tăng vụ, vừa mở rộng diện tích canh tác; gắn công nghiệp với nông, lâm, ngư nghiệp; chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO HỢP NHẤT TY VĂN HÓA VÀ TY THÔNG TIN THÀNH TY VĂN HÓA - THÔNG TIN

Thực hiện chủ trương tinh giản bộ máy hành chính sự nghiệp của Chính phủ, năm 1977, Tỉnh uỷ chỉ đạo hợp nhất Ty Văn hoá và Ty Thông tin thành Ty Văn hoá - Thông tin. Sự hợp nhất đã tạo động lực thúc đẩy lĩnh vực văn hoá - thông tin phát triển mạnh mẽ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu tuyên truyền, cổ vũ phong trào cách mạng trong tỉnh vững bước tiến lên trong thời kỳ mới.

Sau khi hợp nhất, Ty Văn hoá - Thông tin đã tích cực thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, phát động 5 phong trào thi đua sâu rộng trong lĩnh vực văn hoá - văn nghệ.

Đó là phong trào xây dựng thư viện và phát động đọc sách, báo; phong trào xây dựng câu lạc bộ, phát triển lực lượng sáng tác, phong trào văn nghệ quần chúng; phong trào xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hoá, đẩy mạnh công tác bảo tồn, bảo tàng, sưu tầm văn hoá dân gian, nghiên cứu biên soạn lịch sử, đẩy mạnh các hoạt động thông tin cổ động...

Ngày 31-12:

TỈNH ỦY CHỦ TRƯƠNG KHỞI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TIÊU ÚNG SÔNG HOÀNG

Sông Hoàng dài 93km chảy qua các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn, Đông Sơn, Nông Cống và đổ ra cửa Tế Độ (Nông Cống) vào sông Yên. Do hợp lưu với sông Yên và sông Nhơm, do dòng chảy hẹp nên mùa mưa sông Hoàng thường gây úng lụt cho đồng ruộng nhiều huyện. Nhằm giải quyết lũ lụt do sông Hoàng gây ra, Tỉnh uỷ chủ trương đưa cửa sông Hoàng về Ngọc Trà (Quảng Trung, Quảng Xương) cách Tế Độ (cửa sông cũ) 30km về phía hạ lưu. Để làm được điều đó, cần phải đào 2 đoạn sông Hoàng mới dài 10km (gần cửa Ngọc Trào). Tiếp sau là đắp đập chắn dòng, nạo vét mở rộng lòng sông theo đúng thiết kế.

Ngày 31-12-1977, lễ ra quân được tổ chức tại thôn Ngọc Trà gồm hàng vạn đoàn viên thanh niên, hàng chục tiểu đoàn lực lượng vũ trang trong tỉnh cùng các đơn vị kỹ thuật thuỷ lợi tham dự.

Công trường đã đào đắp 3.284.600m^3 đất, 8.302m^3 bê tông, 6.574m^3 đá v.v... Tổ chức tháo gỡ bom đạn trục vớt vật cản do máy bay Mỹ đánh phá cầu Vương, cầu Vạy, chân núi Thai Biêng, phá rộng thành Lê Chích, tổ chức nạo vét nắn dòng đến ngã ba Thiết Cương (nơi sông Hoàng gặp sông Dừa). Sau 30 ngày thi công (tính đến ngày 31-01-1978, các đoạn sông lớn được cắt, nắn thông dòng, rút ngắn chiều dài sông Hoàng 31km

(93km - 31km = 62km) tạo thêm 500ha ruộng đất canh tác, 300ha nuôi cá, hình thành vùng cói 2.000ha, tiêu úng cho 24.554ha ruộng đất các huyện sông Hoàng chảy qua.

TỈNH ỦY CHỈ ĐẠO PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA "BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC"

Thực hiện Chỉ thị 18/CT-BNV của Bộ Nội vụ về tập trung phát động sâu rộng phong trào quần chúng thi đua "Bảo vệ an ninh Tổ quốc" và triển khai Nghị quyết Công an toàn quốc lần thứ 31, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Công an Thanh Hoá đã đề ra mục tiêu của phong trào là: "Phấn đấu đạt hơn 70% xã, tiểu khu, cơ quan, xí nghiệp... có phong trào khá, thu hẹp diện trung bình, thanh toán yếu kém. Trước hết tập trung phát động phong trào ở những xã, cơ quan, xí nghiệp trọng điểm".

Quý I năm 1977, lãnh đạo Ty Công an xây dựng kế hoạch phát động phong trào quần chúng. Cụ thể là: tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng phong trào ở các địa phương, xác định địa bàn trọng điểm. Tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền và lãnh đạo các cơ quan, xí nghiệp tổ chức phát động quần chúng theo phương châm tập trung thường xuyên liên tục.

Trong quá trình phát động, ngành Công an đã tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, xí nghiệp sáng tạo nhiều hình thức phong phú. Phong trào "Tự quản đường phố" ở thị xã Thanh Hoá, "Kiểm tra quản lý lao động trực tiếp phục vụ sản xuất" ở Thiệu Yên, "Tổ bảo vệ an ninh Tổ quốc" ở Đông Thiệu. Xây dựng thế trận ở các địa bàn phản gián như vùng ven biển, biên giới, các khu vực trọng điểm kinh tế, các ngành Lương thực, Thực phẩm, Vật liệu xây dựng, Dược phẩm và các cơ quan đầu não của tỉnh.

Kết quả toàn tỉnh tổ chức 13.354 tổ bảo vệ an ninh Tổ quốc, đưa ra Hội nghị quần chúng đấu tranh, giáo dục 3.994 tên tội phạm, mở lớp giáo dục cảm hoá 805 đối tượng, bổ sung 210 hồ sơ bắt tập trung cải

tạo, cải tạo tại chỗ 229 tên, vận động, giáo dục hàng vạn người buôn bán, làm ăn không chính đáng trở về lao động sản xuất.

Tổng kết phong trào thi đua, toàn tỉnh có 364/557 xã, phường đạt tiêu chuẩn khá (65,2%), 161/557 xã, phường trung bình (28,9%) và 32/557 xã, phường yếu kém (5,7%). Riêng khối cơ quan, xí nghiệp có 50,2% đơn vị khá, 13,4% đơn vị trung bình và 36,4% đơn vị yếu kém.

Nhìn chung phong trào quần chúng "Bảo vệ an ninh Tổ quốc" đã phát huy được tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ và nhân dân lao động, động viên được mọi người hăng hái lao động sản xuất, phục vụ tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Ngày 19-9:

NÂNG CẤP ĐÀI TRUYỀN THANH LÊN ĐÀI PHÁT THANH THANH HÓA

Dựa trên cơ sở Đài Truyền thanh, ngày 19-9-1977, Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định số 987-QĐTC/UBTH thành lập Đài Phát thanh Thanh Hoá.

Đài Phát thanh tỉnh là cơ quan ngôn luận của tỉnh trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có một Ban Giám đốc điều hành mọi hoạt động nghiệp vụ.

Đến năm 1978, có thêm hoạt động truyền hình, Đài Phát thanh Thanh Hoá được đổi tên mới là Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hoá.

GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN CUNG CẦU THEO ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH

Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, cả dân tộc tiến hành tái thiết quê hương đất nước. Song nhu cầu về hàng hoá phục vụ xây

dựng đất nước và đời sống nhân dân quá lớn, điều kiện sản xuất không đáp ứng kịp thời; mâu thuẫn giữa cung và cầu ngày càng trở nên gay gắt.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, ngành Thương nghiệp đã đề ra các giải pháp tổ chức nắm nguồn hàng trên địa bàn Thanh Hoá, đồng thời khai thác thêm nguồn hàng do Trung ương cung cấp, khai thác nguồn hàng của các tỉnh bạn, đặc biệt là các tỉnh phía Nam. Cùng với tổ chức khai thác tăng thêm khối lượng hàng hoá, ngành Thương nghiệp tiến hành cải tiến phương thức phân phối lưu thông hàng hoá.

Một là, giải quyết nhu cầu cơ bản về lương thực, thực phẩm cho cán bộ, bộ đội, công nhân viên chức và các vùng sản xuất phi nông nghiệp.

Hai là, hạn chế việc mua sắm cho nhu cầu tập thể, tiết kiệm hàng hoá đáp ứng một phần yêu cầu tiêu dùng trong xã hội, giải quyết từng bước khó khăn của nhân dân.

Ba là, ưu tiên hàng hoá cung cấp cho các vùng, đóng góp nhiều hàng hoá nông sản cho Nhà nước, các đơn vị sản xuất nhiều hàng hoá tiêu dùng cho xã hội...

Bốn là, vận dụng chính sách hai giá đưa một lượng hàng hoá cần thiết vào lưu thông trong xã hội, góp phần chống tư thương ép giá, ép cấp, cải thiện đời sống nhân dân. Hàng năm giành một phần quỹ hàng hoá dự trữ đáp ứng tình huống đột xuất.

Thực hiện các giải pháp nói trên, ngành Thương nghiệp đã góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân sau chiến tranh.